

# Học viện dự bị đại học Latino

## Báo cáo đánh giá trách nhiệm của trường học năm học 2024–2025

Báo cáo này sử dụng dữ liệu từ năm học 2024–25.

Sở Giáo dục California

<b>Địa chỉ:</b>	14271 Story Rd. San Jose, CA, 95127-3823	<b>Hiệu trưởng:</b>	Jesus Rios, Hiệu trưởng
<b>Điện thoại:</b>	(408) 729-2281	<b>Phạm vi cấp học:</b>	9-12

Theo luật tiểu bang California, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC chứa thông tin về tình trạng và hiệu quả hoạt động của mỗi trường công lập ở California. Theo Công thức Tài trợ Kiểm soát Địa phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải chuẩn bị Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình Địa phương (LCAP), mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hàng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể để giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và cách truy cập báo cáo các năm trước, vui lòng xem trang web SARC của Bộ Giáo dục California (CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng xem trang web LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và các thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng nhà trường hoặc văn phòng quận.

## DataQuest

DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến nằm trên trang web CDE DataQuest tại [địa chỉ https://dq.cde.ca.gov/dataquest/](https://dq.cde.ca.gov/dataquest/) chứa thông tin bổ sung về trường học này và so sánh trường học với học khu và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp các báo cáo phục vụ mục đích đánh giá trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, số lượng học sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, học sinh bỏ học, số lượng học sinh đăng ký khóa học, biên chế nhân sự và dữ liệu liên quan đến học sinh học tiếng Anh).

## **Bảng điều khiển trường học California**

Bảng điều khiển trường học California (Dashboard) <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh hệ thống trách nhiệm giải trình và cải tiến liên tục mới của California, cung cấp thông tin về cách các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) và các trường học đáp ứng nhu cầu của cộng đồng học sinh đa dạng của California. Bảng điều khiển chứa các báo cáo hiển thị hiệu suất của các LEA, trường học và nhóm học sinh dựa trên một loạt các tiêu chí của tiểu bang và địa phương để giúp xác định điểm mạnh, thách thức và các lĩnh vực cần cải thiện.

## **Truy cập Internet**

Internet access is available at public libraries and other locations that are publicly accessible (e.g., the California State Library). Access to the Internet at libraries and public locations is generally provided on a first-come, first-served basis. Other use restrictions may include the hours of operation, the length of time that a workstation may be used (depending on availability), the types of software programs available on a workstation, and the ability to print documents.

## **Admission Requirements for the University of California (UC)**

Admission requirements for the UC follow guidelines set forth in the Master Plan, which requires that the top one-eighth of the state's high school graduates, as well as those transfer students who have successfully completed specified college course work, be eligible for admission to the UC. These requirements are designed to ensure that all eligible students are adequately prepared for University-level work. For general admissions requirements, please visit the UC Admissions Information website at <https://admission.universityofcalifornia.edu/>.

## **Admission Requirements for the California State University (CSU)**

Eligibility for admission to the CSU is determined by three factors: (1) Specific high school courses, (2) Grades in specified courses and test scores, and (3) Graduation from high school. Some campuses have higher standards for particular majors or students who live outside the local campus area. Because of the number of students who apply, a few campuses have higher standards (supplementary admission criteria) for all applicants. Most CSU campuses have local admission guarantee policies for students who graduate or transfer from high schools and colleges that are historically served by a CSU campus in that region. For admission, application, and fee information, see the CSU website at <https://www2.calstate.edu/>.

---

## About This School

### Jesus Rios, Principal

📍 Principal, Latino College Preparatory Academy

### Contact

---

Latino College Preparatory Academy  
14271 Story Rd.  
San Jose, CA 95127-3823

Phone: [\(408\) 729-2281](tel:4087292281)

Email: [jrios@tfhe.org](mailto:jrios@tfhe.org)

## Contact Information (School Year 2025–26)

### District Contact Information (School Year 2025–26)

<b>District Name</b>	East Side Union High
<b>Phone Number</b>	(408) 347-5000
<b>Superintendent</b>	Vander Zee, Glenn
<b>Email Address</b>	<a href="mailto:vanderzeeg@esuhsd.org">vanderzeeg@esuhsd.org</a>
<b>Website</b>	<a href="http://www.esuhsd.org">www.esuhsd.org</a>

### School Contact Information (School Year 2025–26)

<b>School Name</b>	Latino College Preparatory Academy
<b>Street</b>	14271 Story Rd.
<b>City, State, Zip</b>	San Jose, CA , 95127-3823
<b>Phone Number</b>	(408) 729-2281
<b>Principal</b>	Jesus Rios, Principal
<b>Email Address</b>	<a href="mailto:jrios@tfhe.org">jrios@tfhe.org</a>
<b>Website</b>	<a href="http://www.sjlcpa.org/">http://www.sjlcpa.org/</a>
<b>Grade Span</b>	9-12
<b>County-District-School (CDS) Code</b>	43694274330668

## School Description and Mission Statement (School Year 2025–26)

Latino College Preparatory Academy (LCPA) is a public charter high school focusing on providing its students with a rigorous curriculum, a strong faculty and support staff for their instructional experience, and an environment made up of high expectations and community that serves the entire student and their family. LCPA has twenty-four educational track record that have enhanced all attending students' chances of succeeding academically and completing a college degree, particularly with a focus on English Language Learner students.

With its innovative curriculum focused on meeting the needs of English Language Learners, a capable fully certificated faculty through the Union of Foundation (UFE) educators, and a nurturing environment in a state-of-the-art facility, LCPA has become a viable educational option for each and every student in East San Jose, especially English Language Learners and those deriving from underrepresented backgrounds. With its commitment to biliteracy-centered educational curriculum, LCPA occupies a unique and essential role in accelerating students' English Language Arts (ELA) proficiency. This focus equips scholars with the academic foundation needed for strong performance on standardized assessments, meaningful engagement with data-driven instruction, and the preparation required to pursue and succeed in postsecondary opportunities; empowering students to succeed in East San José and beyond.

succeed in East San Jose, and beyond.

All LCPA students are on a University of California (UC) A - G requirement aligned pathway and LCPA awards these students a diploma once they have completed all credit-bearing courses required for high school graduation by the State of California with 220 units required by LCPA for graduation on their route to post-secondary success. As is consistent with the mission and values of LCPA, the school seeks to ensure that students who attend LCPA are among the first within their families to graduate high school and seek a degree beyond high school.

#### Mission and Vision

LCPA's mission and values drive everything at the school site, from the academic program set to make graduates a bi-literate, college-educated individual to the process of exploring cultural identity and the tenets of community building.

Each value exemplifies a quality necessary to excel in college, develop into a leader, and create positive change in their lives, in the community, and among the global society. Central to the mission is the belief that all English Language Learner (ELL) students can succeed in the most competitive colleges/universities and professional environments across all sectors, when prepared with a rigorous, college-preparatory education that incorporates extended time for learning inside and outside the classroom, and a wide range of language-acquisition support with certificated staff members

#### LCAP Goals (2024-2027):

Goal #1: LCPA will Increase the percentage of scholars meeting or exceeding proficiency standards in English Language Arts (ELA) and Mathematics by 5% by the end of the academic year measured by standardized assessments (SBAC)

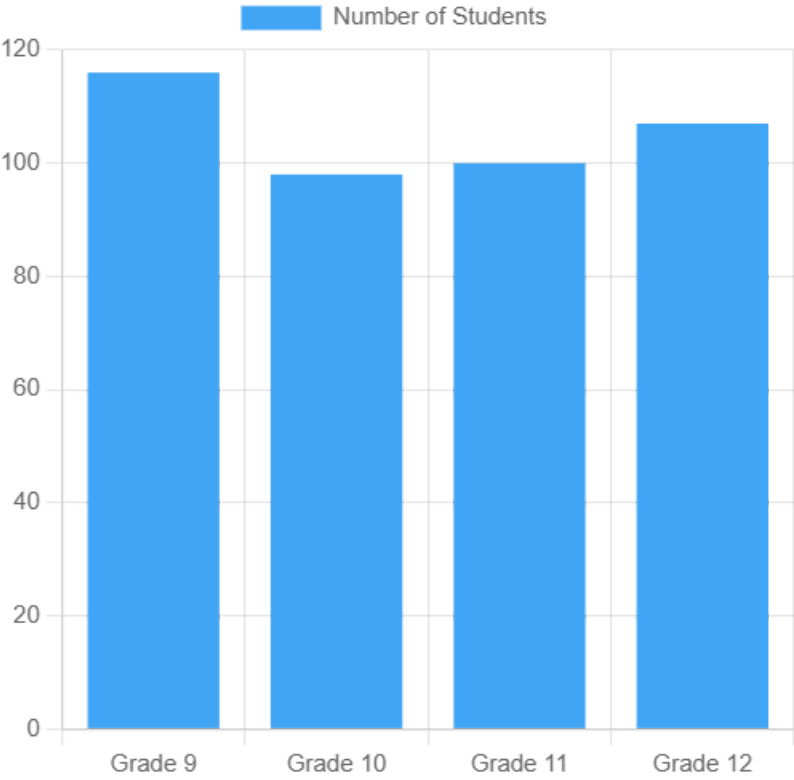
Goal #2: LCPA will foster a college-bound culture by increasing the A-G Requirement college completion rate by 10% each academic year.

Goal #3: LCPA will increase English Learners' progress by 10% annually measured by the summative ELPAC.

Goal #4: LCPA will cultivate a positive school culture and community engagement that promotes student learning in an academically and physically safe environment while maintaining a low suspension rate.

### Student Enrollment by Grade Level (School Year 2024–25)

Grade Level	Number of Students
Grade 9	116
Grade 10	98
Grade 11	100
Grade 12	107
Total Enrollment	421



## Student Enrollment by Student Group (School Year 2024–25)

Student Group	Percent of Total Enrollment
Female	53.00%
Male	47.00%
Non-Binary	0.00%
American Indian or Alaska Native	0.00%
Asian	0.24%
Black or African American	0.00%
Filipino	0.00%
Hispanic or Latino	99.05%
Native Hawaiian or Pacific Islander	0.00%
Two or More Races	0.24%
White	0.48%

Student Group (Other)	Percent of Total Enrollment
English Learners	31.82%
Foster Youth	0.00%
Homeless	15.43%
Migrant	0.00%
Socioeconomically Disadvantaged	87.17%
Students with Disabilities	12.58%

## A. Conditions of Learning

### State Priority: Basic

The SARC provides the following information relevant to the State priority: Basic (Priority 1):

- Degree to which teachers are appropriately assigned and fully credentialed in the subject area and for the pupils they are teaching;
- Pupils have access to standards-aligned instructional materials; and
- School facilities are maintained in good repair

## Teacher Preparation and Placement (School Year 2021–22)

Authorization/Assignment	School Number	School Percent	District Number	District Percent	State Number	State Percent
Fully (Preliminary or Clear) Credentialed for Subject and Student Placement (properly assigned)	14.50	80.39%	943.60	82.39%	234405.20	84.00%
Intern Credential Holders Properly Assigned	0.00	0.00%	35.40	3.10%	4853.00	1.74%
Teachers Without Credentials and Misassignments ("ineffective" under ESSA)	3.50	19.56%	79.50	6.95%	12001.50	4.30%
Credentialed Teachers Assigned Out-of-Field ("out-of-field" under ESSA)	0.00	0.00%	25.60	2.24%	11953.10	4.28%
Unknown/Incomplete/NA	0.00	0.00%	60.90	5.32%	15831.90	5.67%
Total Teaching Positions	18.10	100.00%	1145.30	100.00%	279044.80	100.00%

Note: The data in this table is based on full-time equivalent (FTE) status. One FTE equals one staff member working full-time; one FTE could also represent two staff members who each work 50 percent of full-time. Additionally, an assignment is defined as a position that an educator is assigned based on setting, subject, and grade level. An authorization is defined as the services that an educator is authorized to provide to students.

## Teacher Preparation and Placement (School Year 2022–23)

Authorization/Assignment	School Number	School Percent	District Number	District Percent	State Number	State Percent
Fully (Preliminary or Clear) Credentialed for Subject and Student Placement (properly assigned)	13.50	74.05%	923.60	82.88%	231142.40	83.24%
Intern Credential Holders Properly Assigned	0.00	0.00%	22.80	2.05%	5566.40	2.00%
Teachers Without Credentials and Misassignments ("ineffective" under ESSA)	0.00	0.00%	91.50	8.21%	14938.30	5.38%
Credentialed Teachers Assigned Out-of-Field ("out-of-field" under ESSA)	0.00	0.00%	22.90	2.06%	11746.90	4.23%
Unknown/Incomplete/NA	4.70	25.95%	53.30	4.79%	14303.80	5.15%
Total Teaching Positions	18.30	100.00%	1114.40	100.00%	277698.00	100.00%

Note: The data in this table is based on full-time equivalent (FTE) status. One FTE equals one staff member working full-time; one FTE could also represent two staff members who each work 50 percent of full-time. Additionally, an assignment is defined as a position that an educator is assigned based on setting, subject, and grade level. An authorization is defined as the services that an educator is authorized to provide to students.

## Teacher Preparation and Placement (School Year 2023–24)

Authorization/Assignment	School Number	School Percent	District Number	District Percent	State Number	State Percent
Fully (Preliminary or Clear) Credentialed for Subject and Student Placement (properly assigned)	15.70	79.10%	865.60	76.90%	230039.40	100.00%
Intern Credential Holders Properly Assigned	0.00	0.00%	22.60	2.02%	6213.80	2.23%
Teachers Without Credentials and Misassignments ("ineffective" under ESSA)	1.30	6.82%	75.90	6.75%	16855.00	6.04%
Credentialed Teachers Assigned Out-of-Field ("out-of-field" under ESSA)	0.00	0.00%	30.40	2.70%	12112.80	4.34%
Unknown/Incomplete/NA	2.80	14.04%	130.80	11.63%	13705.80	4.91%
<b>Total Teaching Positions</b>	<b>19.90</b>	<b>100.00%</b>	<b>1125.50</b>	<b>100.00%</b>	<b>278927.10</b>	<b>100.00%</b>

Note: The data in this table is based on full-time equivalent (FTE) status. One FTE equals one staff member working full-time; one FTE could also represent two staff members who each work 50 percent of full-time. Additionally, an assignment is defined as a position that an educator is assigned based on setting, subject, and grade level. An authorization is defined as the services that an educator is authorized to provide to students.

## Teachers Without Credentials and Misassignments (considered "ineffective" under ESSA)

Authorization/Assignment	2021–22 Number	2022–23 Number	2023–24 Number
Permits and Waivers	0.00	0	0.00
Misassignments	3.50	0	1.30
Vacant Positions	0.00	0	0.00
Total Teachers Without Credentials and Misassignments	3.50	0	1.30

## Credentialed Teachers Assigned Out-of-Field (considered "out-of-field" under ESSA)

Indicator	2021–22 Number	2022–23 Number	2023–24 Number
Credentialed Teachers Authorized on a Permit or Waiver	0.00	0	0.00
Local Assignment Options	0.00	0	0.00
Total Out-of-Field Teachers	0.00	0	0.00

## Class Assignments

Indicator	2021– 22 Percent	2022– 23 Percent	2023– 24 Percent
Misassignments for English Learners (a percentage of all the classes with English learners taught by teachers that are misassigned)	20.8%	1.7%	8.10%
No credential, permit or authorization to teach (a percentage of all the classes taught by teachers with no record of an authorization to teach)	4.8%	8.3%	6.40%

Note: For more information refer to the Updated Teacher Equity Definitions web page at <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.

## Quality, Currency, Availability of Textbooks and Other Instructional Materials (School Year 2025–26)

Year and month in which the data were collected: August 2024

Subject	List of Textbooks and Other Instructional Materials/Indicate if from Most Recent Adoption/Year of Adoption	Percent Students Lacking Own Assigned Copy
Reading/Language Arts	<p><b>English 9</b></p> <p>Springboard ELA &amp; ELD Grade 9 SE</p> <p>Selected Novels</p> <p><b>English 10</b></p> <p>Springboard ELA &amp; ELD Grade 10 SE</p> <p>Selected Novels</p> <p><b>English 11</b></p> <p>Springboard ELA &amp; ELD Grade 11 SE</p> <p>Selected Novels</p> <p><b>English 12</b></p> <p>Springboard ELA &amp; ELD Grade 12 SE</p> <p>Selected Novels</p> <p>Expository Reading and Writing Curriculum</p> <p><b>AP English Literature:</b></p> <p>AP College Board Framework</p> <p>Selected novels, poems, plays, and short stories</p> <p><b>AP English Language:</b></p> <p>AP College Board Framework</p> <p>Selected novels, poems, plays, and short stories</p> <p><b>English Language Development</b></p> <p>Get Ready! By Vista Learning</p> <p>Get Reading! By Vista Learning</p>	0
Mathematics	<p><b>Math 1</b></p> <p>Core Connections Integrated I, 2nd Edition</p> <p>College Preparatory Mathematics (CPM) Curriculum</p> <p><b>Math 2</b></p>	0

Subject	List of Textbooks and Other Instructional Materials/Indicate if from Most Recent Adoption/Year of Adoption	Percent Students Lacking Own Assigned Copy
	<p>College Preparatory Mathematics (CPM) Curriculum</p> <p><b>Math 3</b></p> <p>Core Connections Integrated Math 3, 2nd Edition</p> <p>College Preparatory Mathematics (CPM) Curriculum</p> <p><b>Pre-Calculus</b></p> <p>PreCalculus 3 Edition</p> <p>College Preparatory Mathematics (CPM) Curriculum</p> <p><b>AP Statistics</b></p> <p>AP College Board Framework</p> <p>Statistics 3 Edition</p> <p><b>AP Computer Science Principles</b></p> <p>AP College Board Framework</p> <p><b>Supplemental</b></p> <p>IXL Digital Curriculum</p> <p>Desmos</p>	
Science	<p><b>Biology</b></p> <p>Discovery Education California Aligned NGSS Science Textbook</p> <p>California the Living Earth</p> <p><b>Chemistry</b></p> <p>Discovery Education California Aligned NGSS Science Textbook</p> <p>California Chemistry in the Earth System</p> <p><b>Physics</b></p> <p>Discovery Education California Aligned NGSS Science Textbook</p> <p>California Physics of the Universe</p> <p><b>Forensics</b></p> <p>Kendall Hunt Forensic Science for High School 3rd Edition</p> <p>Murder at Old Fields Forensics Science Lab (Virtual Activity)</p> <p><b>AP Environmental Science</b></p> <p>Environmental Science for the AP</p> <p>BFW Publishing</p>	0
History-Social Science	<p><b>World History:</b></p> <p>TCI - History Alive! World Connections</p>	0

**AP World History:**

Subject	List of Textbooks and Other Instructional Materials/Indicate if from Most Recent Adoption/Year of Adoption	Percent Students Lacking Own Assigned Copy
	<p>AMSCO - AP World History: Modern Ways of the World</p> <p><b>U.S. History:</b> TCI - History Alive! Pursuing American Ideals</p> <p><b>AP U.S. History:</b> AMSCO - AP United States History, 4th edition</p> <p><b>Government:</b> TCI - Gov Alive! Power, Politics, and You</p> <p><b>AP Government:</b> AMSCO - AP United States Government and Politics</p> <p><b>Economics:</b> TCI - Econ Alive! The Power to Choose</p>	
Foreign Language	<p><b>Spanish 1</b> Que Chevre! Level 1 Realidades 1 &amp; Selected non fiction and fiction readings</p> <p><b>Spanish 1 Native Speakers</b> ¡Qué Chévere! Level 1 Realidades 1 &amp; Selected non fiction and fiction readings</p> <p><b>Spanish 2</b> ¡Qué Chévere! Level 2 Realidades 2 &amp; Selected nonfiction and fiction readings</p> <p><b>Spanish 2 Native Speakers</b> ¡Qué Chévere! Level 2 Realidades 2 &amp; Selected nonfiction and fiction readings</p> <p><b>Spanish 3</b> ¡Qué Chévere! Level 3 Lazarillo de Tormes Reader and Selected nonfiction and fiction readings</p> <p><b>AP Spanish Language and Culture</b> TEMAS AP Spanish, Preparing for the Language and Culture Examination,</p>	0

Subject	List of Textbooks and Other Instructional Materials/Indicate if from Most Recent Adoption/Year of Adoption	Percent Students Lacking Own Assigned Copy
	<p><b>AP Spanish Literature and Culture</b></p> <p>Azulejo. Anthology &amp; Guide to the AP Spanish Literature and Culture Course. (Wayside Publishing) &amp; Selected Readings</p>	
Health	<p><b>Physical Education</b></p> <p>Glencoe Health, Mary H. Bronson, Ph.D, 2011 McGraw Hill, ISBN: 978-0-07-891328-0</p>	0
Visual and Performing Arts	<p>Teacher-created materials.</p> <p>Visual and Performing Arts Frameworks.</p> <p>AP College Board Frameworks for AP Art and 2D Design.</p> <p><b>Aztec Dancing:</b></p> <p>YouTube (multiple Documentaries), Popol Vuh, Codex Borgia, Educadores del Mundo, Codex Mendoza, Cemanahuak Tlamachtilyan (native School, Codex Nutall, Calpuilli Tonalehqueh Dance Group, National Geographic Documentaries.</p>	0
Science Lab Eqpmt (Grades 9-12)	N/A	0

Note: Cells with N/A values do not require data.

## School Facility Conditions and Planned Improvements

LCPA is situated at 14271 Story Road, San Jose, CA 95127, in a modern state of the art, multi-story, 67,000 square foot educational space containing 23 classrooms and 5 offices, in addition to a Cafeteria (Finn Center), recreational spaces (i.e., Bustos Plaza, Athletic Field), and a staff/student parking lot. Technical support for technology infrastructure, operations, and facilities oversight are provided by The Foundation for Hispanic Education. Nutrition services are provided by Revolution Foods.

Daily janitorial service is provided by on-site staff during the day and internally sourced for evening service. Maintenance of major systems, such as fire protection, emergency generator, landscaping, electrical systems, network equipment, emergency exit signage, elevator system, pest control, deferred maintenance, and HVAC troubleshooting, are provided by qualified vendors included in an annual vendor list. Improvements include upgrades to the Finn Center auditorium/nutrition space in Spring/Summer 2021, and most recently modernization of the Sobrato Athletics Building in Fall 2022.

### School Facility Good Repair Status

Using the **most recently collected** Facility Inspection Tool (FIT) data (or equivalent), provide the following:

- Determination of repair status for systems listed
- Description of any needed maintenance to ensure good repair
- The year and month in which the data were collected
- The rate for each system inspected
- The overall rating

Year and month of the most recent FIT report: February 2020

System Inspected	Repair Needed and Action Taken or Planned
<b>Systems:</b> Gas Leaks, Mechanical/HVAC, Sewer	Good
<b>Interior:</b> Interior Surfaces	Good
<b>Cleanliness:</b> Overall Cleanliness, Pest/Vermin Infestation	Good
<b>Electrical:</b> Electrical	Good
<b>Restrooms/Fountains:</b> Restrooms, Sinks/Fountains	Good
<b>Safety:</b> Fire Safety, Hazardous Materials	Good
<b>Structural:</b> Structural Damage, Roofs	Good
<b>External:</b> Playground/School Grounds, Windows/Doors/Gates/Fences	Good

### Overall Facility Rate

Year and month of the most recent FIT report: February 2020

Overall Rating	Exemplary
----------------	-----------

## B. Pupil Outcomes

### State Priority: Pupil Achievement

The SARC provides the following information relevant to the State priority: Pupil Achievement (Priority 4):

- **Statewide assessments** (i.e., California Assessment of Student Performance and Progress [CAASPP] System includes assessments for English language arts/literacy [ELA], mathematics, and science for students in the general education population and the California Alternate Assessment [CAA]. Only eligible students may participate in the administration of the CAA. CAA items are aligned with alternate achievement standards, which are linked with the Common Core Standards [CCSS] or California Next Generation Science Standards [CA NGSS] for students with the most significant cognitive disabilities).

The CAASPP System encompasses the following assessments and student participation requirements:

1. **Smarter Balanced Summative Assessments and CAA for ELA** in grades three through eight and grade eleven.
  2. **Smarter Balanced Summative Assessments and CAA for mathematics** in grades three through eight and grade eleven.
  3. **California Science Test (CAST) and CAA for Science** in grades five, eight, and once in high school (i.e., grade ten, eleven, or twelve).
- **College and Career Ready:** The percentage of students who have successfully completed courses that satisfy the requirements for entrance to the University of California and the California State University, or career technical education sequences or programs of study.

**CAASPP Test Results in ELA and Mathematics for All Students taking and completing state-administered assessments Grades Three through Eight and Grade Eleven Percentage of Students Meeting or Exceeding the State Standard**

<b>Subject</b>	<b>School 2023– 24</b>	<b>School 2024– 25</b>	<b>District 2023– 24</b>	<b>District 2024– 25</b>	<b>State 2023– 24</b>	<b>State 2024– 25</b>
English Language Arts / Literacy (grades 3-8 and 11)	42%	41%	56%	56%	47%	48%
Mathematics (grades 3-8 and 11)	10%	11%	33%	34%	35%	37%

Note: To protect student privacy, double dashes (--) are used in the table when the cell size within a selected student population is ten or fewer.

Note: ELA and Mathematics test results include the Smarter Balanced Summative Assessments and the CAA. The "Percent Met or Exceeded" is calculated by taking the total number of students who met or exceeded the standard on the Smarter Balanced Summative Assessment plus the total number of students who met the standard (i.e., achieved Level 3-Alternate) on the CAA divided by the total number of students who participated in both assessments.

**CAASPP Test Results in ELA by Student Group for students taking and completing state-administered assessment Grades Three through Eight and Grade Eleven (School Year 2024–25)**

<b>Student Group</b>	<b>Total Enrollment</b>	<b>Number Tested</b>	<b>Percent Tested</b>	<b>Percent Not Tested</b>	<b>Percent Met or Exceeded</b>
All Students	98	98	100.00%	0.00%	40.82%
Female	54	54	100.00%	0.00%	38.89%
Male	44	44	100.00%	0.00%	43.18%
American Indian or Alaska Native	0	0	0%	0%	0%
Asian	0	0	0%	0%	0%
Black or African American	0	0	0%	0%	0%
Filipino	0	0	0%	0%	0%
Hispanic or Latino	98	98	100.00%	0.00%	40.82%
Native Hawaiian or Pacific Islander	0	0	0%	0%	0%
Two or More Races	0	0	0%	0%	0%
White	0	0	0%	0%	0%
English Learners	38	38	100.00%	0.00%	7.89%
Foster Youth	0	0	0%	0%	0%
Homeless	0	0	0%	0%	0%
Military	0	0	0%	0%	0%
Socioeconomically Disadvantaged	49	49	100.00%	0.00%	38.78%
Students Receiving Migrant Education Services	0	0	0%	0%	0%
Students with Disabilities	--	--	--	--	--

Note: ELA test results include the Smarter Balanced Summative Assessments and the CAA. The “Percent Met or Exceeded” is calculated by taking the total number of students who met or exceeded the standard on the Smarter Balanced Summative Assessment plus the total number of students who met the standard (i.e., achieved Level 3–Alternate) on the CAA divided by the total number of students who participated in both assessments.

Note: To protect student privacy, double dashes (--) are used in the table when the cell size within a selected student population is ten or fewer.

Note: The number of students tested includes all students who participated in the test whether they received a

Note: The number of students tested includes all students who participated in the test whether they received a score or not; however, the number of students tested is not the number that was used to calculate the achievement level percentages. The achievement level percentages are calculated using only students who received scores.

**CAASPP Test Results in Mathematics by Student Group for students taking and completing state-administered assessment Grades Three through Eight and Grade Eleven (School Year 2024–25)**

<b>Student Group</b>	<b>Total Enrollment</b>	<b>Number Tested</b>	<b>Percent Tested</b>	<b>Percent Not Tested</b>	<b>Percent Met or Exceeded</b>
All Students	98	98	100.00%	0.00%	11.22%
Female	54	54	100.00%	0.00%	12.96%
Male	44	44	100.00%	0.00%	9.09%
American Indian or Alaska Native	0	0	0%	0%	0%
Asian	0	0	0%	0%	0%
Black or African American	0	0	0%	0%	0%
Filipino	0	0	0%	0%	0%
Hispanic or Latino	98	98	100.00%	0.00%	11.22%
Native Hawaiian or Pacific Islander	0	0	0%	0%	0%
Two or More Races	0	0	0%	0%	0%
White	0	0	0%	0%	0%
English Learners	38	38	100.00%	0.00%	2.63%
Foster Youth	0	0	0%	0%	0%
Homeless	0	0	0%	0%	0%
Military	0	0	0%	0%	0%
Socioeconomically Disadvantaged	49	49	100.00%	0.00%	12.24%
Students Receiving Migrant Education Services	0	0	0%	0%	0%
Students with Disabilities	--	--	--	--	--

Note: Mathematics test results include the Smarter Balanced Summative Assessments and the CAA. The “Percent Met or Exceeded” is calculated by taking the total number of students who met or exceeded the standard on the Smarter Balanced Summative Assessment plus the total number of students who met the standard (i.e., achieved Level 3–Alternate) on the CAA divided by the total number of students who participated in both assessments.

Note: To protect student privacy, double dashes ( -- ) are used in the table when the cell size within a selected

Note: To protect student privacy, double dashes (--) are used in the table when the cell size within a selected student population is ten or fewer.

Note: The number of students tested includes all students who participated in the test whether they received a score or not; however, the number of students tested is not the number that was used to calculate the achievement level percentages. The achievement level percentages are calculated using only students who received scores.

**CAASPP Test Results in Science for All Students  
Grades Five, Eight and High School  
Percentage of Students Meeting or Exceeding the State Standard**

<b>Subject</b>	<b>School 2023–24</b>	<b>School 2024–25</b>	<b>District 2023–24</b>	<b>District 2024–25</b>	<b>State 2023–24</b>	<b>State 2024–25</b>
Science (grades 5, 8, and high school)	12.63%	18.81%	39.02%	39.56%	30.73%	32.33%

Note: Science test results include the CAST and the CAA for Science. The "Percent Met or Exceeded" is calculated by taking the total number of students who met or exceeded the standard on the CAST plus the total number of students who met the standard (i.e., achieved Level 3–Alternate) on the CAA for Science divided by the total number of students who participated in a science assessment.

Note: To protect student privacy, double dashes (--) are used in the table when the cell size within a selected student population is ten or fewer.

Note: The number of students tested includes all students who participated in the test whether they received a score or not; however, the number of students tested is not the number that was used to calculate the achievement level percentages. The achievement level percentages are calculated using only students who received scores.

**CAASPP Test Results in Science by Student Group**  
**Grades Five, Eight and High School (School Year 2024–25)**

<b>Student Group</b>	<b>Total Enrollment</b>	<b>Number Tested</b>	<b>Percent Tested</b>	<b>Percent Not Tested</b>	<b>Percent Met or Exceeded</b>
All Students	101	101	100.00%	0.00%	18.81%
Female	58	58	100.00%	0.00%	17.24%
Male	43	43	100.00%	0.00%	20.93%
American Indian or Alaska Native	0	0	0%	0%	0%
Asian	0	0	0%	0%	0%
Black or African American	0	0	0%	0%	0%
Filipino	0	0	0%	0%	0%
Hispanic or Latino	100	100	100.00%	0.00%	19.00%
Native Hawaiian or Pacific Islander	0	0	0%	0%	0%
Two or More Races	--	--	--	--	--
White	0	0	0%	0%	0%
English Learners	13	13	100.00%	0.00%	0.00%
Foster Youth	0	0	0%	0%	0%
Homeless	0	0	0%	0%	0%
Military	0	0	0%	0%	0%
Socioeconomically Disadvantaged	47	47	100.00%	0.00%	19.15%
Students Receiving Migrant Education Services	0	0	0%	0%	0%
Students with Disabilities	--	--	--	--	--

Note: To protect student privacy, double dashes (--) are used in the table when the cell size within a selected student population is ten or fewer.

**Course Enrollment/Completion of University of California (UC) and/or California State University (CSU) Admission Requirements**

UC/CSU Course Course Measure	Percent
2024–25 Pupils Enrolled in Courses Required for UC/CSU Admission	
2023–24 Graduates Who Completed All Courses Required for UC/CSU Admission	

**State Priority: Other Pupil Outcomes**

The SARC provides the following information relevant to the State priority: Other Pupil Outcomes (Priority 8):

- Pupil outcomes in the subject area of physical education

**California Physical Fitness Test Results (School Year 2024–25)**

**Percentage of Students Participating in each of the five Fitness Components**

Grade	Component 1: Aerobic Capacity	Component 2: Abdominal Strength and Endurance	Component 3: Trunk Extensor and Strength and Flexibility	Component 4: Upper Body Strength and Endurance	Component 5: Flexibility
9	100%	100%	100%	100%	100%

Note: The administration of the PFT requires only participation results for these five fitness areas.

Note: To protect student privacy, double dashes (--) are used in the table when the cell size within a selected student population is ten or fewer.

## C. Engagement

### State Priority: Parental Involvement

The SARC provides the following information relevant to the State priority: Parental Involvement (Priority 3):

- Efforts the school district makes to seek parent input in making decisions regarding the school district and at each school site

#### Opportunities for Parental Involvement (School Year 2025–26)

LCPA students, parents, and staff are held to a high level of expectations. The expectation is that 100% of students will gain acceptance into at least one higher education program after graduation – a two-year community college or a four-year university. Parents are offered the opportunity to be supportive by participating in their child’s academic and non-academic/personal development endeavors. Most importantly, parents are empowered to participate and take a vital role in creating a college going culture as led by a partnership with their school site (LCPA).

LCPA operates under the premise that the teachers, parents, and students must work together as partners to create the offerings for a quality education. Parents are a vital part of this partnership. LCPA involves parents as key stakeholders in the school. It is important to LCPA that parents feel part of the high school and college readiness process for their child. Parents participate in the School Site Council (SSC), English Learner Advisory Committee (ELAC), Monthly Cafecito Meetings, monthly survey efforts, and are engaged weekly through a School Newsletter. Approximately 100 - 150 parents participate each month in at least one school site effort as overseen by the Principal. The meetings are focused on getting the parents involved in the student’s education with parents at LCPA on campus frequently for continued oversight and rapport building.

### State Priority: Pupil Engagement

The SARC provides the following information relevant to the State priority: Pupil Engagement (Priority 5):

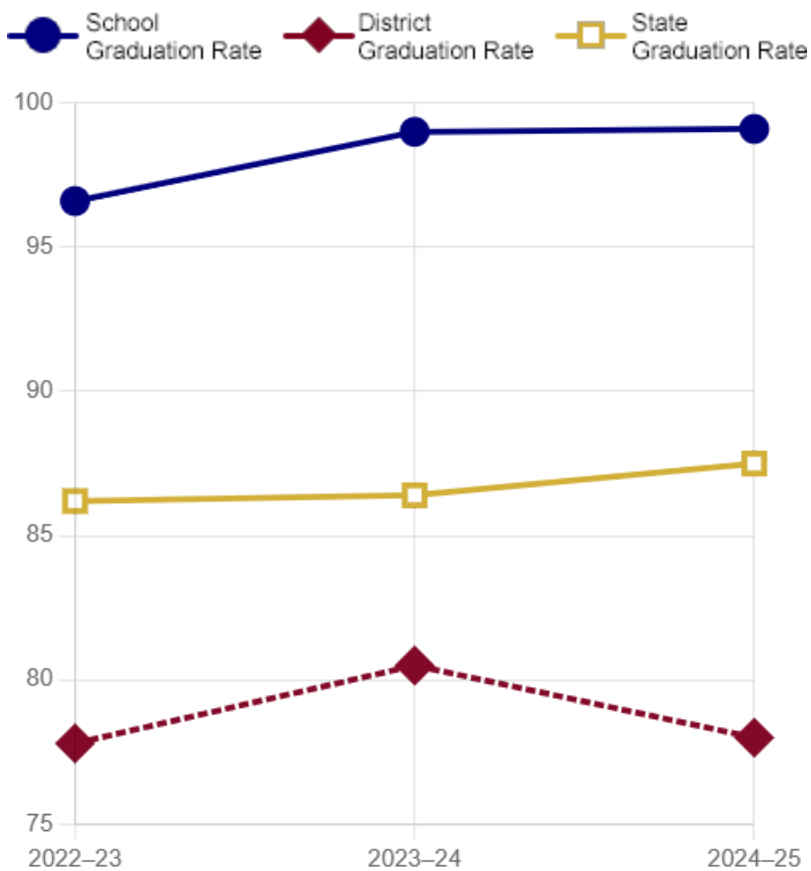
- High school graduation rates;
- High school dropout rates; and
- Chronic Absenteeism

### Graduation Rate and Dropout Rate (Four-Year Cohort Rate)

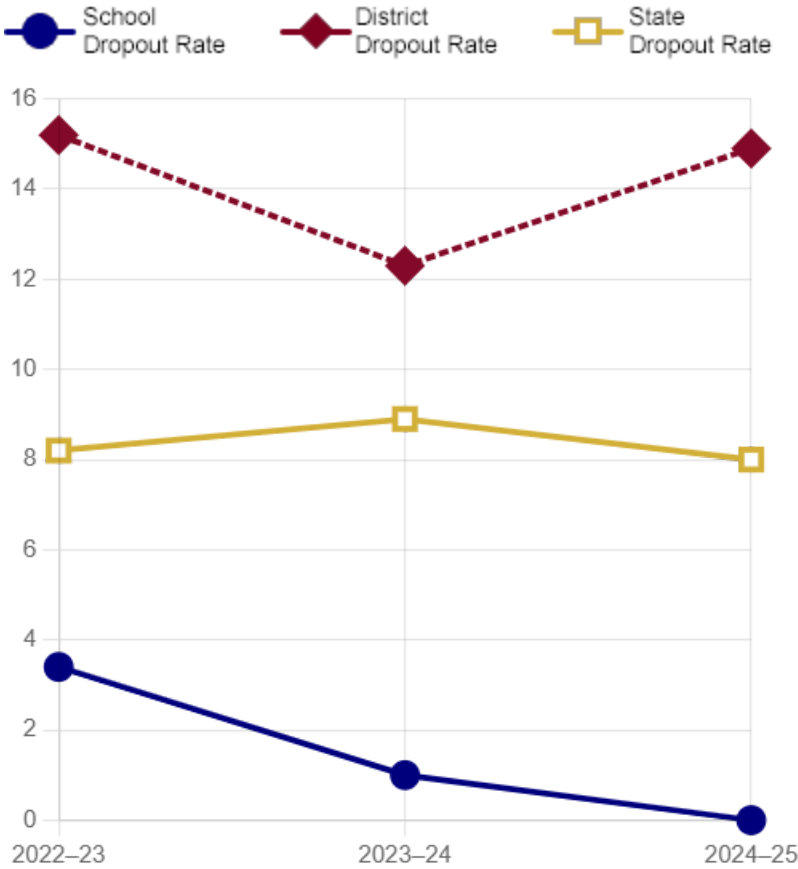
Indicator	School 2022– 23	School 2023– 24	School 2024– 25	District 2022– 23	District 2023– 24	District 2024– 25	State 2022– 23	State 2023– 24	State 2024– 25
Graduation Rate	96.6%	99.0%	99.1%	77.8%	80.5%	78.0%	86.2%	86.4%	87.5%
Dropout Rate	3.4%	1.0%	0.0%	15.2%	12.3%	14.9%	8.2%	8.9%	8.0%

Note: To protect student privacy, double dashes (--) are used in the table when the cell size within a student population is ten or fewer.

#### Graduation Rates



Dropout Rates



**Graduation Rate by Student Group (Four-Year Cohort Rate) (School Year 2024–25)**

<b>Student Group</b>	<b>Number of Students in Cohort</b>	<b>Number of Cohort Graduates</b>	<b>Cohort Graduation Rate</b>
All Students	106	105	99.1%
Female	61	60	98.4%
Male	45	45	100.0%
Non-Binary	0.0	0.0	0.0%
American Indian or Alaska Native	0	0	0.00%
Asian	0	0	0.00%
Black or African American	0	0	0.00%
Filipino	0	0	0.00%
Hispanic or Latino	105	104	99.0%
Native Hawaiian or Pacific Islander	0	0	0.00%
Two or More Races	--	--	--
White	0	0	0.00%
English Learners	27	26	96.3%
Foster Youth	0.0	0.0	0.0%
Homeless	26	25	96.2%
Socioeconomically Disadvantaged	104	103	99.0%
Students Receiving Migrant Education Services	--	--	--
Students with Disabilities	--	--	--

For information on the Four-Year Adjusted Cohort Graduation Rate (ACGR), visit the CDE Adjusted Cohort Graduation Rate web page at <https://www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp>.

Note: To protect student privacy, double dashes (--) are used in the table when the cell size within a student population is ten or fewer.

**Chronic Absenteeism by Student Group (School Year 2024–25)**

<b>Student Group</b>	<b>Cumulative Enrollment</b>	<b>Chronic Absenteeism Eligible Enrollment</b>	<b>Chronic Absenteeism Count</b>	<b>Chronic Absenteeism Rate</b>
All Students	444	431	95	22.0%
Female	231	225	56	24.9%
Male	213	206	39	18.9%
Non-Binary	--	--	--	--
American Indian or Alaska Native	--	--	--	--
Asian	--	--	--	--
Black or African American	--	--	--	--
Filipino	--	--	--	--
Hispanic or Latino	439	427	95	22.2%
Native Hawaiian or Pacific Islander	--	--	--	--
Two or More Races	--	--	--	--
White	--	--	--	--
English Learners	151	144	38	26.4%
Foster Youth	--	--	--	--
Homeless	68	67	18	26.9%
Socioeconomically Disadvantaged	388	378	88	23.3%
Students Receiving Migrant Education Services	--	--	--	--
Students with Disabilities	60	57	16	28.1%

Note: To protect student privacy, double dashes (--) are used in the table when the cell size within a selected student population is ten or fewer.

## State Priority: School Climate

The SARC provides the following information relevant to the State priority: School Climate (Priority 6):

- Pupil suspension rates;
- Pupil expulsion rates; and
- Other local measures on the sense of safety

### Suspensions and Expulsions

Rate	School 2022– 23	School 2023– 24	School 2024– 25	District 2022– 23	District 2023– 24	District 2024– 25	State 2022– 23	State 2023– 24	State 2024– 25
Suspensions	0.23	0.00	0.00	3.72	2.82	2.34	3.60	3.28	2.94
Expulsions	0.00	0.00	0.23	0.05	0.05	0.05	0.08	0.07	0.06

Note: To protect student privacy, double dashes (--) are used in the table when the cell size within a selected student population is ten or fewer.

### Suspensions and Expulsions by Student Group (School Year 2024–25)

Student Group	Suspensions Rate	Expulsions Rate
All Students	0.00%	0.23%
Female	0.00%	0.00%
Male	0.00%	0.47%
Non-Binary	0.00%	0.00%
American Indian or Alaska Native	0.00%	0.00%
Asian	0.00%	0.00%
Black or African American	0.00%	0.00%
Filipino	0.00%	0.00%
Hispanic or Latino	0.00%	0.23%
Native Hawaiian or Pacific Islander	0.00%	0.00%
Two or More Races	0.00%	0.00%
White	0.00%	0.00%
English Learners	0.00%	0.66%
Foster Youth	0.00%	0.00%
Homeless	0.00%	0.00%
Socioeconomically Disadvantaged	0.00%	0.26%
Students Receiving Migrant Education Services	0.00%	0.00%
Students with Disabilities	0.00%	0.00%

Note: To protect student privacy, double dashes (--) are used in the table when the cell size within a selected student population is ten or fewer.

## School Safety Plan (School Year 2025–26)

LCPA has a detailed, comprehensive Safety Plan that outlines the protocol to be used, systems that must be in place, and procedures that must be followed in the event of an emergency. The school safety plan covers an array of different systems such as child abuse reporting procedures, policies pursuant to Education Code 48915 and other school-designated serious acts which would lead to suspension, expulsion, or mandatory expulsion recommendations, procedures to notify teachers and counselors of dangerous students, sexual harassment policy, safe ingress and egress to and from school, rules and procedures on school discipline in order to create a safe and orderly environment conducive to learning, dress code, routine and emergency disaster procedures including natural disasters, human-created disasters or power outages.

Routine and emergency disaster procedures include but are not limited to; emergency and disaster preparedness plan, fire drills, lockdown drills, earthquake emergency procedure system, and safe transportation during emergencies. Ensuring that our community feels safe on our campus is of the utmost priority for the Latino College Preparatory Academy. These safety plans have been outlined and thoroughly reviewed with teachers, staff, students, and parents throughout the year.

## D. Other SARC information

The information in this section is required to be in the SARC but is not included in the state priorities for LCFF.

**Average Class Size and Class Size Distribution (Secondary) (School Year 2022–23)**

<b>Subject</b>	<b>Average Class Size</b>	<b>Number of Classes* 1-22</b>	<b>Number of Classes* 23-32</b>	<b>Number of Classes* 33+</b>
English Language Arts	20.00	8	9	0
Mathematics	23.00	5	12	0
Science	27.00	3	11	0
Social Science	21.00	10	7	0

\* Number of classes indicates how many classrooms fall into each size category (a range of total students per classroom). At the secondary school level, this information is reported by subject area rather than grade level.

**Average Class Size and Class Size Distribution (Secondary) (School Year 2023–24)**

<b>Subject</b>	<b>Average Class Size</b>	<b>Number of Classes* 1-22</b>	<b>Number of Classes* 23-32</b>	<b>Number of Classes* 33+</b>
English Language Arts	20.00	10	12	0
Mathematics	22.00	8	10	0
Science	23.00	6	10	0
Social Science	22.00	9	6	0

\* Number of classes indicates how many classrooms fall into each size category (a range of total students per classroom). At the secondary school level, this information is reported by subject area rather than grade level.

**Average Class Size and Class Size Distribution (Secondary) (School Year 2024–25)**

<b>Subject</b>	<b>Average Class Size</b>	<b>Number of Classes* 1-22</b>	<b>Number of Classes* 23-32</b>	<b>Number of Classes* 33+</b>
English Language Arts	24.00	8	11	
Mathematics	26.00	2	14	
Science	27.00	2	13	
Social Science	25.00	2	12	

\* Number of classes indicates how many classrooms fall into each size category (a range of total students per classroom). At the secondary school level, this information is reported by subject area rather than grade level.

**Ratio of Pupils to Academic Counselor (School Year 2024–25)**

<b>Title</b>	<b>Ratio</b>
Pupils to Academic Counselor*	205

\* One full-time equivalent (FTE) equals one staff member working full-time; one FTE could also represent two staff members who each work 50 percent of full-time.

**Student Support Services Staff (School Year 2024–25)**

Title	Number of FTE* Assigned to School
Counselor (Academic, Social/Behavioral or Career Development)	2.00
Library Media Teacher (Librarian)	
Library Media Services Staff (Paraprofessional)	
Psychologist	
Social Worker	
Nurse	
Speech/Language/Hearing Specialist	
Resource Specialist (non-teaching)	2.00
Other**	0.00

\* One full-time equivalent (FTE) equals one staff member working full-time; one FTE could also represent two staff members who each work 50 percent of full-time.

\*\* "Other" category is for all other student support services staff positions not listed.

**Expenditures Per Pupil and School Site Teacher Salaries (Fiscal Year 2023–24)**

<b>Level</b>	<b>Total Expenditures Per Pupil</b>	<b>Expenditures Per Pupil (Restricted)</b>	<b>Expenditures Per Pupil (Unrestricted)</b>	<b>Average Teacher Salary</b>
School Site	--	--	--	--
District	N/A	N/A	--	\$116804.00
Percent Difference – School Site and District	N/A	N/A		
State	N/A	N/A	\$11146.18	\$113595.00
Percent Difference – School Site and State	N/A	N/A		

Note: Cells with N/A values do not require data.

**Types of Services Funded (Fiscal Year 2024–25)**

LCPA uses Categorical funds to support various services and programs that support its students and families. Below is a general overview of how LCPA uses Title I, II, III funds:

Title I: Instructional Coaching, Parent Engagement and Governance, Parent Education

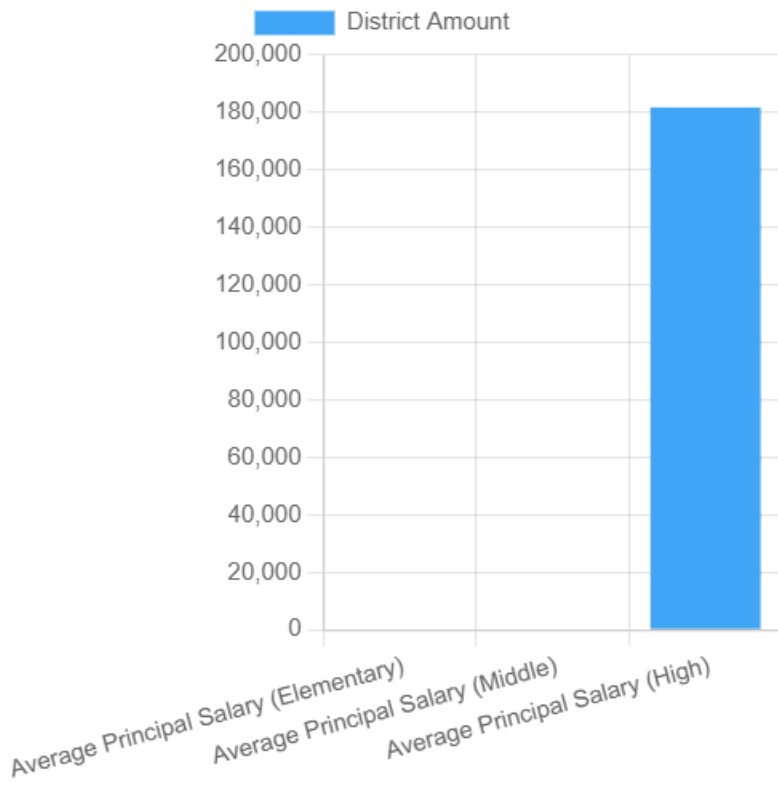
Title II: Instructional Coaching, Professional Development

Title III: Parent Engagement Activities, Supplemental Instruction for English Learners

**Teacher and Administrative Salaries (Fiscal Year 2023–24)**

<b>Category</b>	<b>District Amount</b>	<b>State Average For Districts In Same Category</b>
Beginning Teacher Salary	\$69900.00	\$67237.98
Mid-Range Teacher Salary	\$110474.00	\$106841.05
Highest Teacher Salary	\$141638.00	\$136880.99
Average Principal Salary (Elementary)	\$0.00	--
Average Principal Salary (Middle)	\$0.00	\$167233.29
Average Principal Salary (High)	\$181735.00	\$193950.22
Superintendent Salary	\$329669.00	\$314303.88
Percent of Budget for Teacher Salaries		
Percent of Budget for Administrative Salaries		

For detailed information on salaries, see the CDE Certificated Salaries & Benefits web page at <https://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.



## Advanced Placement (AP) Courses (School Year 2024–25)

Percent of Students in AP Courses 36.6 %

Subject	Number of AP Courses Offered*
Computer Science	1
English	2
Fine and Performing Arts	2
Foreign Language	3
Mathematics	1
Science	1
Social Science	2
Total AP Courses Offered*	12

\* Where there are student course enrollments of at least one student.

### Professional Development

Latino College Preparatory Academy staff, including Certificated and Classified members, engage in 9 full days of Professional Development and Continuous Improvement Days. Additionally, staff members engage in Professional Development on designated Wednesdays for 100 minutes, for approximately 29 Wednesdays, during the Academic School year.

The purpose of the 2025-2026 Teaching and Learning professional development series was to provide professional learning and collaborative opportunities with strategies and techniques that positively impact student outcomes.

Professional Development includes, but is not limited to:

- **Sheltered Instruction Observation Protocol (SIOP) features and techniques**
- **Đánh giá và Dữ liệu - Hiểu rõ các bài kiểm tra cấp tiểu bang và địa phương cũng như phân tích dữ liệu để định hướng trọng tâm giảng dạy và giám sát (Dữ liệu MAP, Dữ liệu SBAC, Dữ liệu ELPAC)**
- **Huấn luyện giảng dạy**
- **Thiết kế bài học**
- **Lập bản đồ chương trình giảng dạy**
- **Xác định mục tiêu**
- **Hướng dẫn - Học tập về Cảm xúc Xã hội (Tư vấn)**
- **Các phương pháp tốt nhất để giảng dạy hiệu quả**
- **Nghiên cứu sách - Chấm điểm công bằng**

Ngoài 9 ngày học tập toàn diện về giảng dạy, chương trình học, đánh giá và kiểm tra, trọng tâm

Ngày 9 ngày học tập toán định về giảng dạy, chương trình học, đánh giá và kiểm tra, trình bày của chương trình Phát triển Chuyên môn của trường được lựa chọn dựa trên kết quả học tập của học sinh ở môn Toán và Tiếng Anh. Trường đã tập trung vào việc nâng cao khả năng đọc viết trong tất cả các môn học dựa trên dữ liệu về kết quả học tập của học sinh và đặc điểm nhân khẩu học của học sinh. Học sinh và cộng đồng đã được khảo sát và các Lĩnh vực Ưu tiên cho lớp học đã được xác định để định hướng thực tiễn giảng dạy. Một cách toàn diện, giáo viên áp dụng Tư duy Phát triển và Phương pháp Chuyển giao Trách nhiệm Dần dần trong thiết kế bài học.

Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ được tổ chức năm ngày trước khi năm học bắt đầu, như một tuần làm việc bồi dưỡng nghiệp vụ của Quý, dành cho tất cả các trường trực thuộc. Trọng tâm là sử dụng dữ liệu để hỗ trợ việc giảng dạy trong lớp học. Ngoài ra, giáo viên được cung cấp năm ngày bồi dưỡng nghiệp vụ toàn thời gian trong năm học để tham gia vào các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ khác do Quý triển khai. Giáo viên có 3 giờ mỗi tuần để cộng tác trong các nhóm học tập chuyên nghiệp của trường, tập trung vào việc đánh giá và xem xét bài làm của học sinh dựa trên kết quả học tập của học sinh. Bồi dưỡng nghiệp vụ bổ sung được cung cấp cho nhóm sau giờ học về Tư duy Phát triển và Chuyển giao Trách nhiệm Dần dần trong suốt năm, cũng như vào mùa hè như một chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ giới thiệu cho giáo viên mới.

Tất cả nhân viên cũng được yêu cầu tham gia các Buổi Đào tạo Bắt buộc do chương trình SafeSchools của CharterSafe xác định và quản lý, với sự theo dõi hoàn thành của Phòng Nhân sự TFHE. Các buổi đào tạo bao gồm Đào tạo về Báo cáo viên Bắt buộc, Đào tạo về Mầm bệnh Lây truyền qua Đường máu, Phòng ngừa Lạm dụng và Bỏ bê Trẻ em, Phòng ngừa Quấy rối Tình dục (Giữa Nhân viên với Nhân viên và Nhân viên với Học sinh), Đào tạo Sơ cứu, Đào tạo FERPA và các khóa đào tạo tuân thủ quan trọng khác. Việc triển khai phát triển chuyên môn được hỗ trợ bởi và dành cho giáo viên thông qua huấn luyện giảng dạy giữa các đồng nghiệp, sử dụng dữ liệu về kết quả học tập của học sinh để đánh giá trong các nhóm và trong các buổi làm việc tập trung vào từng bộ môn.

	2023– 24	2024– 25	2025– 26
<b>Đo lường</b>			
Số ngày học dành cho việc bồi dưỡng nghiệp vụ và cải tiến liên tục cho giáo viên	9	9	9